

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT

Ngày 28-12-2022

V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng; chia tài sản chung, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2022/TLPT-HN&GD ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng; chia tài sản chung, nợ chung*”,

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 04/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kóng Phổ C; địa chỉ: Bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Bị đơn: Ông Từ A; địa chỉ: Bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Sau B; địa chỉ: Bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 20-9-2022*) – *Có mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị H; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

2. Ông Nguyễn Viết D; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

3. Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

4. Bà Trần Thị E; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

5. Bà Vòng Sám M; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

6. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 09, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

7. Ông Nguyễn Hữu L; địa chỉ: Thôn 09, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

8. Bà Trần Thị P; địa chỉ: Bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Kóng Phở C và bị đơn ông Từ A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kóng Phở C trình bày:

Bà chung sống với ông Từ A từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2017 ông A đi Hàn Quốc thì con trai riêng của ông A khóa cửa không cho bà vào nhà. Tháng 7-2018, ông A về và nói con riêng là anh Từ Sau B vứt đồ của bà ra đường. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án tuyên bố ông bà không phải vợ chồng.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là anh Từ Sao P (*sinh năm 1997*), hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông bà tạo lập được các tài sản chung gồm:

+ 01 lô đất diện tích 700m² tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*), nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Thín Mộc C từ năm 2010; trên đất có 01 căn nhà gỗ.

+ 01 lô đất diện tích 364m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đã được Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện Đ cấp GCNQSDĐ số X ngày 31-12-2015 đứng tên ông A, nguồn gốc do Nhà nước cấp cho các hộ dân người Hoa vào năm 2015.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, ông bà có các khoản nợ chung gồm: Nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng; ông Nguyễn Viết B số tiền 40.000.000 đồng; bà Đặng Thị H số tiền 132.000.000 đồng; bà Vòng Sám M số tiền 50.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H số tiền 180.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu L số tiền 35.000.000 đồng; bà Trần Thị E số tiền 32.000.000 đồng.

Bà đề nghị bán các tài sản chung để trả nợ chung, phần còn lại để cho con trai chung là anh Từ Sao P, không chia cho ông bà. Quá trình giải quyết vụ án, bà đã rút yêu cầu chia nợ chung đối với khoản nợ của bà N, ông B, bà M, bà H, ông L, bà E.

Ngoài ra, bà C còn trình bày tài sản chung là 01 lô đất tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chưa được cấp GCNQSDĐ, nguồn gốc nhận chuyển

nhượng của bà Trần Thị G vào khoảng năm 2005 nhưng không có yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản chung đối với thửa đất này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Từ A trình bày:

Ông và bà C chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông bà đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C về việc không công nhận ông bà là vợ chồng.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là anh Từ Sao P (*sinh năm 1997*), hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông bà không tạo lập được tài sản chung, đối với 03 thửa đất mà bà C đã liệt kê là tài sản riêng của ông, không liên quan đến bà C.

- Về nợ chung: Những khoản nợ mà bà C đã trình bày chỉ là nợ riêng của bà C, không liên quan đến ông.

Ông chỉ đồng ý chia cho bà C căn nhà mà bà C đang sử dụng với điều kiện bà C phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ của bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Đặng Thị H: Ngày 17-4-2012, ông A, bà C vay của bà số tiền 132.000.000 đồng, hai bên viết giấy tay, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,3%/tháng, hạn trả ngày 17-12-2012 (*âm lịch*). Ông A, bà C thế chấp cho bà thửa đất chiều ngang 05m có tứ cận: Phía Bắc giáp đất của bà; phía Nam giáp đất ông Ch; phía Tây giáp cây xăng; phía Đông giáp đường liên thôn. Đến nay ông A, bà C chưa trả khoản nợ này nên bà có yêu cầu độc lập buộc ông A, bà C phải chuyển nhượng thửa đất trên cho bà. Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bà thay đổi yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà C phải trả số tiền gốc đã vay là 132.000.000 đồng và lãi suất 09%/năm, tính từ ngày 17-12-2012 đến khi xét xử sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Viết B: Năm 2012, ông A, bà C vay của ông số tiền 40.000.000 đồng, hai bên viết giấy tay, lãi suất 03%/tháng, hạn trả ngày 26-12-2013. Đến nay ông A, bà C chưa trả khoản nợ này nên ngày 16-5-2019, ông có yêu cầu độc lập buộc ông A, bà C phải trả số tiền gốc đã vay là 40.000.000 đồng và lãi suất 03%/tháng tính từ năm 2012. Ngày 18-6-2021, ông có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

- Bà Nguyễn Thị N: Ngày 23-3-2013, bà vay hộ ông A, bà C số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà mới giao được 35.000.000 đồng, hai bên viết giấy tay, lãi suất 02%/tháng, hạn trả là mùa cà phê. Đến nay ông A, bà C chưa trả khoản nợ này nên ngày 16-5-2019, bà có yêu cầu độc lập buộc ông A, bà C phải trả số tiền gốc đã vay là 35.000.000 đồng và lãi suất. Ngày 18-6-2021, bà có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

- Bà Trần Thị G: Năm 2005, bà chuyển nhượng cho bà C 01 lô đất chiều ngang khoảng hơn 08m, chiều dài 27m, tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chưa được cấp GCNQSDĐ với giá 25.000.000 đồng. Bà C trả góp

trong nhiều năm, đến nay chỉ còn thiếu khoảng 05 tạ cà phê, diện tích đất này vẫn đang do bà C sử dụng, đối với số cà phê còn thiếu thì bà không có ý kiến gì.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2022/HNGĐ-ST ngày 22-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 14 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 53, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà C và ông A là quan hệ vợ chồng.

2. Về tài sản chung:

- Giao cho bà C được quyền sử dụng diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 17, diện tích 226,2m², tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, trên đất có các tài sản gồm: Nhà vòm sắt 5,5m, dài 5,5m, vách tôn, mái lợp tôn song vuông, nền gạch tàu; nhà xây nền xi măng, tường xây gạch xung quanh, mái lợp tôn sóng vuông; 01 căn nhà xây cấp 04 gồm 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp, 01 khu phía sau, 01 gác lửng dài 5,5m, nền lát gạch men, mái lợp tôn, trần tôn lạnh, cửa sắt kéo, hiên rộng 3,04m, dài 2,1m.

- Giao cho ông A được quyền sử dụng các tài sản sau:

+ Thửa đất số 24, tờ bản đồ độc lập, diện tích 364m², tọa lạc tại thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số X ngày 31-12-2015 cho ông A.

+ Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 15, diện tích 294m², tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đã được cấp GCNQSDĐ số Y ngày 27-5-2017 đứng tên bà Thín Mộc C. Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 04, khung cột gỗ xẻ chịu lực, móng xây gạch, tường xây gạch tô, trát hai mặt sơn nước, nền lát gạch men, trần tôn, kết hợp đóng trần nhựa, mái lợp tôn, cửa đi sắt kính, diện tích 9m x 10,6m, tường cao 3,2m; bếp: Khung cột gỗ thanh 5x10 chịu lực, tường xây gạch lửng cao 40, kết hợp ván gỗ, nền láng xi măng, không đóng trần, mái lợp tôn, diện tích 5,6m x 8,2m; nhà vệ sinh, nhà tắm: Móng xây gạch, tường xây gạch tô trát 02 mặt, sơn nước, tường trong ốp gạch men cao 1,2m, nền gạch men, không đóng trần, mái lợp tôn, diện tích 4,5m x 2,2m, tường cao 2m; chuồng gà: Khung cột gỗ xẻ chịu lực, tường xây gạch lửng cao 50cm, kết hợp đóng tôn, nền láng xi măng, mái lợp tôn, diện tích 7,4m x 4,5m; sân láng xi măng diện tích 6,6m x 4,8m; giếng khoan đường kính 147 có ống chống bằng nhựa sâu 70m; mái hiên: Nền lát gạch men, một phần mái lợp tôn, bán kèo gỗ 4,2m x 1,6m, diện tích 1,6m x 12,2m; sân bê tông diện tích 11,8m x 13,7m; bồn nước 1.000 lít, trụ bồn bằng sắt V40x40 cao 4m; 01 chân trụ bình nóng lạnh V40x40 cao 2,6m; 01 bình nóng lạnh năng lượng mặt trời 16 lít hiệu ĐT; 01 cây bơ thực sinh trồng 25 năm, loại B; 01 cây khế; 01 cây tùng lá kim.

- Ông A phải thanh toán cho bà C số tiền 208.044.300 đồng giá trị chênh lệch về tài sản.

3. Về nợ chung:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà N và ông B đối với ông A và bà C.

- Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông A, bà C phải trả cho bà H số tiền 247.038.000 đồng, trong đó mỗi người phải trả số tiền 123.510.000 đồng (gồm 66.000.000 đồng tiền gốc và 57.519.000 đồng tiền lãi).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26-9-2022, nguyên đơn bà Kóng Phở C kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho con trai bà là anh Từ Sao P được quyền sử dụng thửa đất số 196, tờ bản đồ số 15, diện tích 294m², tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số Y đứng tên bà Thín Mộc C mà hiện nay ông Từ A đang sử dụng.

Ngày 23-9-2022, bị đơn ông Từ A kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung và nợ chung; tuyên hợp đồng thế chấp tài sản chung giữa ông Từ A và bà Đặng Thị H là vô hiệu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Kóng Phở C và ông Từ A nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

- Tại Giấy ủy quyền ngày 20-9-2022, ông A ủy quyền cho ông Từ Sau B kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 20-9-2022, ông B kháng cáo phần tài sản chung và nợ chung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho ông B nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là thiếu sót. Tuy nhiên, ngày 23-9-2022, ông A đã kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên chỉ nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

- Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận ông A và bà C là vợ chồng nhưng lại xác định quan hệ pháp luật “Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân” là mâu thuẫn, trường hợp này chỉ xác định quan hệ pháp luật là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung, nợ chung” nên Hội đồng xét xử sửa lại cho phù hợp.

- Tại đơn khởi kiện ngày 06-11-2018, bà C yêu cầu chia tài sản chung đối với hai thửa đất gồm: Thửa đất diện tích 700m², tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chưa được cấp GCNQSDĐ và thửa đất diện tích 320m², tọa lạc tại thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã được cấp GCNQSDĐ đứng

tên ông Từ A. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 17-11-2018, bà C yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất diện tích 320m², tọa lạc tại xã Đ đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông Từ A là trùng với một trong hai thửa đất đã yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 06-11-2018. Như vậy, đối với thửa đất thứ ba tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chưa được cấp GCNQSDĐ, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị P thì bà C không có yêu cầu khởi kiện bổ sung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà C được quyền sử dụng thửa đất này nhưng không tuyên tứ cận là không thi hành án được.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Theo quy định tại Điều 16, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chia tài sản chung là không chính xác, lẽ ra phải áp dụng Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về chia tài sản thuộc sở hữu chung mới đúng.

[2.2]. Đối với thửa đất diện tích 700m², tọa lạc tại bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Thín Mộc C từ năm 2010: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 28/2012/DS-PT ngày 10-5-2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bà Thín Mộc C tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông A, bà C thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSDĐ số X do UBND huyện Đ cấp ngày 26-02-2010 cho bà Thín Mộc C và tài sản gắn liền với đất; ông A, bà C có trách nhiệm trả cho bà Thín Mộc C tổng số tiền 154.440.000 đồng. Do ông A, bà C không trả tiền như thỏa thuận nên bà Thín Mộc C đã yêu cầu phát mãi tài sản. Tại Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số: Z ngày 31-8-2015 giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông và ông Từ Sau B thể hiện ông B trúng đấu giá quyền sử dụng 192m² đất thuộc một phần thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 699m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định diện tích trúng đấu giá là 170,6m², đồng thời nhận định sau khi trừ diện tích bán đấu giá thì chỉ còn lại 294m², thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 15, đã được cấp GCNQSDĐ số Y đứng tên bà Thín Mộc C là mâu thuẫn về số liệu ($699m^2 - 192m^2 = 507m^2$). Cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ phần diện tích chênh lệch hiện do ai đang quản lý, sử dụng.

[2.3]. Cấp sơ thẩm giao cho ông A được quyền sử dụng phần còn lại của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 và tài sản trên đất trị giá 744.277.300 đồng; giao cho bà C được quyền sử dụng thửa đất số 244, tờ bản đồ số 17 và tài sản trên đất trị giá 536.223.000 đồng. Như vậy, giá trị chênh lệch của 02 thửa đất là 208.054.300 đồng, lẽ ra mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ nhưng cấp sơ thẩm lại buộc ông A phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà C toàn bộ số tiền 208.044.300 đồng là không chính xác.

[2.4]. Đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ độc lập, diện tích 364m², tọa lạc tại thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là tài

sản riêng của ông A và giao cho ông A sử dụng mà không tiến hành chia tài sản chung nhưng vẫn buộc ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị của thửa đất này là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A.

[2.5]. Sau khi kháng cáo, nguyên đơn nộp bổ sung tình tiết mới là Biên bản làm việc ngày 20-9-2012 thể hiện việc các bên thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung. Do đó, cần phải làm rõ trong thời kỳ hôn nhân các bên có thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung hay chưa và phải xem xét thỏa thuận này có giá trị pháp lý hay không?

[2.6]. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2019 (*bản chất là đơn yêu cầu độc lập*), bà H yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà C phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất đã thế chấp cho bà theo cam kết ngày 17-4-2012. Quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu độc lập, chỉ yêu cầu ông A, bà C phải trả số tiền đã vay 132.000.000 đồng và lãi suất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định bản chất của sự việc là vay tài sản và có thể chấp nhưng việc thế chấp chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, việc giải quyết yêu cầu độc lập của bà H có liên quan đến việc chia tài sản chung giữa ông A và bà C nên không thể tách rời trong vụ án này.

[2.7]. Từ vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung, yêu cầu độc lập của bà Hạnh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.8]. Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.9]. Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bà C và ông A; số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[2.10]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông A và bà C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2022/HNGĐ-ST ngày 22-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông về chia tài sản chung, nợ chung và yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị H. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Kóng Phở C và ông Từ A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại cho bà Kóng Phở C số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số W ngày 22-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Trả lại cho ông Từ A số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Q ngày 26-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng